

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HS-PT

Ngày 17-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Uyên Thy

Bà Nguyễn Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2022/TLPT-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo Lê Minh H, Thông Văn T do có kháng cáo của các bị cáo và Kháng nghị phúc thẩm số 126/QĐ-VKS ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 167/2021/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1/Lê Minh H; Sinh ngày 11/12/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Ở: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh D (đã chết) và bà Nguyễn Thanh T; Chung sống như vợ, chồng với Huỳnh Thị Ngọc A và 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/5/2021 - Có mặt.

2/Thông Văn T; Sinh ngày 02/8/1996 tại tỉnh Bình Thuận; Thường trú: Tổ 1, thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; Ở: 4/28 Quốc lộ A, ấp b, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Chăm; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Thông Văn L và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Lê Thanh H không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 16/5/2021, Lê Minh H và Lê Thanh H1 quen biết nhau khi cùng đi dự tiệc của người quen. Sau đó, H rủ H1 về phòng trọ của H tại D7/25 ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh để tiếp tục uống rượu bia thì H1 đồng ý.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi uống rượu bia tại đây, H điều khiển xe mô tô không biển số (biển số xe 59N3-445.30 bị hư nên H tháo biển số ra) chở H1 đến tiệm tạp hóa gần cầu Chợ Đệm để mua thuốc lá. Khi đang mua thuốc lá ở tiệm tạp hóa, H thấy xe mô tô biển số 59N2-406.05 của bà Phan Thị Yến N dựng trước nhà D1/11A ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp xe bán lấy tiền tiêu xài và rủ H1 cùng thực hiện, H1 đồng ý. Sau khi mua thuốc lá xong, H điều khiển xe mô tô chở H1 chạy qua vị trí xe mô tô biển số 59N2-406.05 đang dựng khoảng 10 mét rồi dừng xe đứng cạnh giới. Lúc này, H1 xuống xe, đi bộ đến lên lút đẩy xe mô tô biển số 59N2-406.05 đến vị trí H đang dừng xe, rồi nhảy lên ngồi điều khiển xe mô tô vừa chiếm đoạt được để H điều khiển xe mô tô không biển số đẩy đi (xe không nổ máy) đến tiệm cầm đồ T17, địa chỉ 4/28 Quốc lộ 1, Ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh.

Tại đây, H gặp Thông Văn T (nhân viên của tiệm cầm đồ) và nói xe mô tô biển số 59N2-406.05 vừa trộm cắp được, không giấy tờ, T đồng ý mua xe với giá 4.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H tiếp tục điều khiển xe mô tô chở H1 đến khu vực gần nhà sách Nguyễn Văn Cừ thuộc thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh và chia cho H1 tiền bán xe là 2.250.000 đồng rồi cả hai cùng đi uống rượu bia tiếp, sau đó về phòng trọ của H ngủ.

Đối với T sau khi mua được xe mô tô biển số 59N2-406.05 thì đăng thông tin bán xe lên mạng xã hội Facebook và bán lại cho người thanh niên chưa rõ lai lịch với giá 5.000.000 đồng ngay trong đêm, T cũng xóa thông tin bán xe trên mạng xã hội Facebook.

Sáng ngày 17/5/2021, bà Phan Thị Yến N đến Công an xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh trình báo vụ việc. Qua truy xét, trích xuất camera an ninh, Công an xã Tân Kiên đã mời H và H1 về trụ sở Công an xã làm việc, thu giữ vật chứng (gồm 01 xe mô tô biển số 59N3-445.30, số tiền 2.450.000 đồng mà H và H1 bán xe trộm được cho T còn lại).

Từ lời khai của H và H1, Công an xã Tân Kiên tiến hành mời T về trụ sở

làm việc, lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Bình Chánh để điều tra, xử lý.

Tại Bản kết luận định giá số 1140/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định xe mô tô biển số 59N2-406.05 trị giá 5.900.000 đồng.

Tại Bản án số: 167/2021/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung, năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Minh H 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung, năm 2017,

Xử phạt bị cáo Thông Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2021.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên hình phạt tù đối với bị cáo Lê Thanh H1, về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 07/01/2022, bị cáo Thông Văn T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 29/12/2021, bị cáo Lê Minh H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/01/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 126/QĐ-VKS kháng nghị bản án số 167/2021/HSST ngày 24/12/2021 đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Lê Minh H và buộc bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính là 2.050.000 đồng. Đồng thời đề nghị cho bị cáo Thông Văn T được hưởng án treo và xử lý lại phần vật chứng là số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của bị cáo T, trong đó tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng, trả lại cho bị cáo T số tiền 4.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Thông Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên. Bị cáo Lê Minh H rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Đồng thời các bị cáo trình bày không nhận được Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 126/QĐ-VKS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo người dân tộc Chăm, có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định nên đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án

treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, kháng cáo của bị cáo Thông Văn T, xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Đồng thời đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị đề nghị tăng nặng hình phạt và buộc nộp lại số tiền 2.050.000 đồng đối với bị cáo Lê Minh H, một phần kháng nghị đề nghị xử lý lại vật chứng số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Thông Văn T, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy một phần Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng là xe máy biển số 59N3-445.30 do xe trên có một phần quyền sở hữu của bà Huỳnh Thị Ngọc A vợ của bị cáo H và xe trên hiện đang được mua trả góp theo hợp đồng tín dụng trả góp với Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam nhưng cấp sơ thẩm chưa xác định tư cách tổ tụng đối với bà A, Công ty Home Credit và chưa ghi nhận ý kiến của bà A, Công ty Home Credit đối với việc xử lý chiếc xe máy trên.

Các bị cáo Lê Minh H và Thông Văn T không tự bào chữa và không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo H xin giữ nguyên mức án sơ thẩm để bị cáo được sớm hòa nhập xã hội, làm lại cuộc đời. Bị cáo T xin được hưởng án treo để tự cải tạo, tiếp tục đi phụ giúp cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Minh H, Thông Văn T và Kháng nghị phúc thẩm số 126/QĐ-VKS ngày 06/01/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo, kháng nghị thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo trình tự phúc thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo H, T khai nhận chưa nhận được Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh chưa giao Quyết định kháng nghị phúc thẩm cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 338 của Bộ luật Tố tụng hình sự là thiết sót, mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã rút một phần kháng nghị bất lợi đối với bị cáo H nhưng Viện kiểm sát cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm khắc rút kinh nghiệm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Minh H trình bày đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo nhưng tính đến thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chưa nhận được đơn rút kháng cáo của bị cáo H. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo H trình bày yêu cầu rút toàn bộ kháng cáo. Xét, việc rút kháng cáo của bị cáo H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo Lê Minh H. Do thời gian tạm giam bị cáo Lê Minh H bằng với thời hạn tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị rút một phần nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm đề nghị tăng nặng hình phạt và buộc bị cáo H nộp lại số tiền 2.050.000 đồng, xử lý lại vật chứng là số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Thông Văn T. Xét, việc rút một phần nội dung kháng nghị của vị đại diện Viện kiểm sát không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị khác nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 126/QĐ-VKS ngày 06/01/2022.

[5] Căn cứ lời khai của bị cáo Lê Minh H, Thông Văn T tại phiên tòa phúc thẩm, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 21 giờ 53 phút ngày 16/5/2021, tại trước địa chỉ D1/11A ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Lợi dụng sơ hở của bà Phan Thị Yến N trong việc quản lý tài sản, Lê Minh H và Lê Thanh H1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Nhi 01 xe mô tô biển số 59N3-445.30. Tài sản chiếm đoạt được định giá trị giá 5.900.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được xe, H và H1 đẩy xe đến tiệm cầm đồ T17, địa chỉ 4/28 Quốc Lộ A, ấp C, xã T, huyện C, bán xe trên cho Thông Văn T với giá 4.500.000 đồng. Số tiền có được H và H1 chia nhau mỗi người 2.250.000 đồng. Bị cáo Thông Văn T mặc dù không hứa hẹn trước nhưng khi biết xe 59N3-445.30 là tài sản do việc trộm cắp mà có vẫn chấp nhận mua xe trên rồi bán cho đối tượng không rõ lai lịch qua mạng xã hội facebook với giá 5.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 500.000 đồng. Bản án sơ thẩm số: 167/2021/HS-ST ngày 24-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình

Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Minh H về tội “Trộm cắp tài sản” ; áp dụng khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Thông Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[6] Đối với nội dung kháng cáo xin hưởng án treo và nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị cho bị cáo T được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định mức hình phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bị cáo kháng cáo đồng thời trình bày bản thân là người dân tộc Chăm, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Xét đây là tình tiết chưa được cấp sơ thẩm áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bị cáo T không phải là người có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nhi nhưng đã chủ động liên hệ bồi thường số tiền 17.000.000 đồng, lớn hơn giá trị tài sản chiếm đoạt và tiêu thụ trong vụ án là thể hiện T độ thành khẩn, ăn năn hối cải của bị cáo về hành vi phạm tội nên được xem xét hưởng sự khoan hồng hơn nữa trong nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 3 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nghề nghiệp và nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thông Văn T, một phần Kháng nghị phúc thẩm số 126/KN-VKS ngày 06/01/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định để bị cáo có cơ hội tự cải tạo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Đối với nội dung bản án sơ thẩm về việc xử lý vật chứng là xe mô tô biển số 59N3-445.30 thu giữ của bị cáo Lê Minh H. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Xe hai bánh gắn máy hiệu Honda Vario, biển số 59N3-445.30 qua xác minh do bà Huỳnh Thị Thanh X là chị ruột của bà Huỳnh Thị Ngọc A đứng tên giúp Lê Minh H. Tại cơ quan Điều tra, bà A khai nhận xe trên do H mua trả góp từ khoảng tháng 01/2021 với giá khoảng 79.000.000 đồng, mỗi tháng trả góp khoảng 2.700.000 đồng, bản chất tiền mua xe là của hai vợ chồng, bà A đề nghị trả lại xe trên vì hiện tại bà vẫn phải tự trả tiền góp mua xe trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai tiền trả góp xe trên là của bị cáo và bà A. Xét thấy, mặc dù bà A và bị cáo H sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn và có một con chung nhưng căn cứ lời khai của bà A, bà Xuân và bị cáo H có đủ cơ sở xác định xe gắn máy biển số 59N3-445.30 là tài sản có phần đóng góp của bà A. Quá trình

điều tra xác định bà A không biết, không có lỗi trong việc bị cáo H sử dụng xe gắn máy biển 59N3-445.30 thực hiện hành vi phạm tội nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mặt khác, nguồn gốc hình thành chiếc xe trên là tiền có từ hợp đồng tín dụng trả góp số 4100119915 giữa bà Huỳnh Thị Thanh Xuân với Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam (công ty Home Credit), hợp đồng có hiệu lực đến ngày 09/01/2023, hiện Công ty Home Credit đang giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy của xe trên. Việc cấp sơ thẩm không đưa bà A, công ty Home Credit vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Mặc dù, thiếu sót này không ảnh hưởng đến phần trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án nhưng do không xác định tư cách tố tụng của bà A, công ty Home Credit dẫn đến việc xử lý vật chứng đối với xe gắn máy trên chưa phù hợp quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét, cần hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến phần xử lý vật chứng đối với xe gắn máy biển 59N3-445.30 để cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định chung của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Đối với nội dung bản án sơ thẩm tuyên xử lý vật chứng tịch thu ngân sách Nhà nước số tiền 7.450.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Thông Văn T, trong đó có 4.500.000 đồng là phương tiện bị cáo dùng thực hiện hành vi phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nên việc cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền trên là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, đối với số tiền 2.250.000 đồng thu giữ của bị cáo H1 và 200.000 đồng thu giữ của bị cáo H. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là khoản tiền các bị cáo H1 và H có được từ việc bán tài sản chiếm đoạt là chiếc xe gắn máy 59N2-406.05 của bị hại Nhi cho bị cáo T. Quá trình điều tra, bị cáo T đã tự nguyện bồi thường số tiền 17.000.000 đồng cho bị hại Nhi nên bị hại Nhi không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Trong vụ án này trách nhiệm bồi thường thiệt hại thuộc về các bị cáo H và H1, tuy nhiên bị cáo T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại nên có quyền yêu cầu 02 bị cáo H và T hoàn trả số tiền 5.900.000 đồng (là giá trị tài sản chiếm đoạt theo kết luận định giá). Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Thông Văn T yêu cầu nhận lại số tiền 2.450.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ được của các bị cáo H và H1, số tiền còn lại bị cáo T tự nguyện không yêu cầu 02 bị cáo bồi thường. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và vận dụng quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự trả lại số tiền trên cho bị cáo Thông Văn T.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Minh H.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 126/QĐ-VKS ngày 06 tháng 01 năm 2022 đề nghị tăng nặng hình phạt và buộc bị cáo H nộp lại số tiền 2.050.000 (hai triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 126/QĐ-VKS ngày 06 tháng 01 năm 2022 đề nghị xử lý lại vật chứng số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng thu giữ của bị cáo Thông Văn T.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Minh H nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thông Văn T và một phần nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 126/QĐ-VKS ngày 06 tháng 01 năm 2022 đề nghị cho bị cáo Thông Văn T được hưởng án treo và sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Thông Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Hủy một phần Bản án sơ thẩm về quyết định xử lý vật chứng đối với xe hai bánh gắn máy biển số 59N3-445.30, số khung: MH1JM5115LK696225, số máy: JM51E1695876.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 345; khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Sửa một phần Bản án sơ thẩm về quyết định xử lý vật chứng số tiền 2.450.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 288 của Bộ luật Dân sự,

Trả lại cho bị cáo Thông Văn T số tiền 2.450.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Lê Minh H, Thông Văn T không phía chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND H. Bình Chánh; (2)
- PV.06 - CATP; (1)
- Bị cáo; (2)
- THADS H. Bình Chánh; (1)
- TAND H. Bình Chánh; (2)
- Công an H. Bình Chánh; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang